

Số: /BHXH-GĐBHYT
V/v thông báo tình hình chi thuốc thanh toán
BHYT 8 tháng đầu năm 2021

Thanh Hoá, ngày tháng 10 năm 2021

Kính gửi: Sở Y tế

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bảo hiểm xã hội (BHXH) Việt Nam về việc cảnh báo chi phí thuốc thanh toán bảo hiểm y tế (BHYT) 8 tháng đầu năm 2021 trên Hệ thống giám sát chi phí khám chữa bệnh (KCB) BHYT, BHXH tỉnh thông báo tình hình sử dụng và thanh toán thuốc bảo hiểm y tế 8 tháng đầu năm 2021 tại các cơ sở KCB trong tỉnh so với cùng kỳ năm 2020 như sau:

1. Tình hình sử dụng, thanh toán chi phí thuốc theo chế độ BHYT Tổng chi thuốc 756,26 tỷ đồng, chiếm 27,35% chi KCB, tăng 14,70% (96,93 tỷ đồng), tỷ lệ tăng đứng thứ 2 tại vùng, thứ 5 toàn quốc (toàn quốc giảm 7,82%, Vùng tăng 0,72%), chi thuốc cao thứ 3, chiếm 3,02% chi thuốc toàn quốc:

a) Cơ sở KCB BHYT công lập

Chi thuốc 587,15 tỷ đồng, tăng 11,64% (61,21 tỷ đồng), nhiều cơ sở y tế tăng chi rất cao như: Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa 100,37 tỷ đồng, tăng 13,33% (11,81 tỷ đồng); Bệnh viện ung bướu tỉnh Thanh Hóa 39,12 tỷ đồng, tăng 52,85% (13,52 tỷ đồng); Bệnh viện nhi Thanh Hóa 31,90 tỷ đồng, tăng 26,84% (6,75 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa 23,42 tỷ đồng, tăng 16,01% (3,23 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc 18,43 tỷ đồng, tăng 19,73% (3,04 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Thọ Xuân 18,15 tỷ đồng, tăng 11,43% (1,86 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc 14,73 tỷ đồng, tăng 30,91% (3,48 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Xương 12,70 tỷ đồng, tăng 14,65% (1,62 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Cẩm Thủy 12,02 tỷ đồng, tăng 17,81% (1,82 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Hà Trung 10,23 tỷ đồng, tăng 29,17% (2,31 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành 9,98 tỷ đồng, tăng 25,15% (2,00 tỷ đồng); Bệnh viện mắt tỉnh Thanh Hóa 5,94 tỷ đồng, tăng 32,85% (1,47 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân 5,83 tỷ đồng, tăng 37,39% (1,59 tỷ đồng);

b) Cơ sở KCB BHYT ngoài công lập

Chi thuốc 169,11 tỷ đồng, tăng 26,78% (35,73 tỷ đồng): Các cơ sở y tế phát sinh chi KCB từ tháng 2/2020: trong 8 tháng 2021 chi 5,47 tỷ đồng, tăng 470,27% (4,51 tỷ đồng); Các cơ sở y tế có phát sinh chi KCB từ 8 tháng 2020, tỷ lệ gia tăng chi rất cao: 8 tháng 2021 chi 163,64 tỷ đồng, tăng 23,57% (31,22 tỷ đồng): Bệnh viện đa khoa Hợp Lực 30,94 tỷ đồng, tăng 24,11% (6,01 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh 15,99 tỷ đồng, tăng 46,68% (5,09 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Đại An 13,38 tỷ đồng, tăng 29,01% (3,01 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành 12,69 tỷ đồng, tăng 26,97% (2,69 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Hải Tiến 8,98 tỷ đồng, tăng 66,84% (3,60 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Hàm Rồng 8,60 tỷ đồng, tăng 34,91% (2,23 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa ACA 6,11 tỷ

đồng, tăng 25,15% (1,23 tỷ đồng); Phòng khám đa khoa Tâm An 2,42 tỷ đồng, tăng 104,95% (1,24 tỷ đồng);

2. Gia tăng bất thường một số nhóm thuốc

a) Chi thuốc biệt dược gốc (BDG): 67,21 tỷ đồng, chiếm 8,89% chi thuốc, tăng 6,41% (4,05 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 15,62%, vùng giảm 4,86%):

Cơ sở y tế công lập 49,97 tỷ đồng, chiếm 8,51% chi thuốc: Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa 14,94 tỷ đồng, chiếm 14,89% chi thuốc, tăng 1,91% (0,28 tỷ đồng); Bệnh viện nhi Thanh Hóa 5,88 tỷ đồng, chiếm 18,44% chi thuốc; Bệnh viện ung bướu tỉnh Thanh Hóa 5,66 tỷ đồng, chiếm 14,47% chi thuốc, tăng 54,26% (1,99 tỷ đồng); Bệnh viện mắt tỉnh Thanh Hóa 4,31 tỷ đồng, chiếm 72,58% chi thuốc, tăng 31,42% (1,03 tỷ đồng); Bệnh viện phụ sản tỉnh Thanh Hóa 1,70 tỷ đồng, chiếm 15,56% chi thuốc, tăng 28,59% (0,38 tỷ đồng);

Cơ sở y tế ngoài công lập 17,23 tỷ đồng, chiếm 10,19% chi thuốc (cao hơn khối công lập): Bệnh viện đa khoa Hợp Lực 4,89 tỷ đồng, chiếm 15,79% chi thuốc, tăng 67,25% (1,96 tỷ đồng); Bệnh viện Tâm An 1,96 tỷ đồng, chiếm 55,31% chi thuốc, tăng 33,81% (0,50 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hợp Lực 1,41 tỷ đồng, chiếm 9,33% chi thuốc, tăng 60,24% (0,53 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Phúc Thịnh 1,18 tỷ đồng, chiếm 7,36% chi thuốc, tăng 42,44% (0,35 tỷ đồng).

b) Thuốc chống nhiễm khuẩn: 238,17 tỷ đồng, chiếm 31,49% chi thuốc, cao gấp 1,24 lần vùng, gấp 1,58 lần toàn quốc, tăng 17,87% (36,10 tỷ đồng) (vùng tăng 1,86%, toàn quốc giảm 8,40%). Một số hoạt chất chi cao hoặc tăng chi cao:

- Ampicilin + sulbactam 26,02 tỷ đồng, tăng 51,52% (8,85 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 1,53%), chiếm 9,84% chi hoạt chất toàn quốc, chi đứng thứ 2 toàn quốc;

- Cefoperazon 24,03 tỷ đồng, chiếm 9,21% chi hoạt chất toàn quốc, chi đứng thứ 2 toàn quốc, trong đó: 4,99 tỷ đồng (chiếm 20,76% chi hoạt chất tại tỉnh, chi cao thứ 2 theo mặt hàng thuốc toàn quốc, chiếm 10,7% chi toàn quốc) là thuốc nhóm 4, hàm lượng 2g, giá thanh toán bình quân 56.846 đồng, rất cao so với hàm lượng 1g cùng nhóm, giá ~9.000đ tại Tỉnh An Giang, Tỉnh Quảng Nam, Tỉnh Sóc Trăng, Tỉnh Quảng Ngãi, Tỉnh Bình Định, Tỉnh Tuyên Quang, Tỉnh An Giang... nhưng không được lựa chọn mua sắm sử dụng tại địa phương;

- Cefoperazon + sulbactam 17,35 tỷ đồng, tăng 149,26% (10,39 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 4,70%), chiếm 5,86% chi hoạt chất toàn quốc, chi đứng thứ 3 toàn quốc;

- Ofloxacin 16,70 tỷ đồng, tăng 55,18% (5,94 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 8,21%), chiếm 16,65% chi hoạt chất toàn quốc, chi cao nhất toàn quốc;

- Ceftizoxim 14,69 tỷ đồng, tăng 1.517,25% (13,78 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 150,08%), chiếm tới 11,04% chi hoạt chất toàn quốc, chi cao nhất toàn quốc, trong đó 1,01 tỷ đồng (cùng kỳ 2020 không sử dụng) thuốc nhóm 4, hàm lượng 0,5g, giá thanh toán bình quân 28.350 đồng, rất cao so với hàm lượng 1g (15.500 đ-17.000 đ tại Tỉnh Khánh Hòa, Hậu Giang, Thái Bình, Nghệ An, An Giang, Cà Mau...) nhưng không được lựa chọn mua sắm, sử dụng tại tỉnh;

- Amoxicilin + acid clavulanic 13,09 tỷ đồng, tăng 30,75% (3,08 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 3,70%), chiếm 3,71% chi hoạt chất toàn quốc, trong đó 5,77 tỷ đồng, tăng 35,7% (1,52 tỷ đồng) (chiếm 44,09% chi hoạt chất tại tỉnh) là thuốc

nhóm 2, nhóm 4 dạng viên phân tán, giá rất cao so với viên uống thông thường cùng nhóm TCKT và hàm lượng tương đương;

- Cefamandol 11,47 tỷ đồng, tăng 35,08% (2,98 tỷ đồng), chiếm 9,87% chi hoạt chất toàn quốc, chi đứng thứ 2 toàn quốc;

- Ciprofloxacin 8,79 tỷ đồng, chiếm 4,15% chi hoạt chất toàn quốc, trong đó 5,07 tỷ đồng (chiếm 57,73% chi hoạt chất tại tỉnh, chi cao nhất toàn quốc, chiếm 33,3% chi mặt hàng thuốc này toàn quốc) là thuốc nhóm 4, dung dịch đậm đặc 400mg/40ml, giá thanh toán bình quân 88.501 đồng, rất cao so với nồng độ 200mg/100ml (giá hợp lý 17.575 đ, nhưng sử dụng 128,3 triệu đồng tại tỉnh) (ưu tiên trong trường hợp cần hạn chế thể tích tiêm, truyền);

- Ticarcillin + acid clavulanic 7,47 tỷ đồng, tăng 34,17% (1,90 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 36,67%), chiếm 9,09% chi hoạt chất toàn quốc, chi đứng thứ 2 toàn quốc;

- Cefalexin 4,42 tỷ đồng, tăng 23,46% (0,84 tỷ đồng), trong đó 1,83 tỷ đồng, tăng 43,9% (0,56 tỷ đồng) (chiếm 41,29% chi hoạt chất tại tỉnh) thuốc nhóm 4, viên phân tán hàm lượng 500mg, hàm lượng 250mg giá rất cao (gấp 3,8 - 4,3 lần so với viên nén thông thường cùng nhóm, cùng hàm lượng, chỉ sử dụng 76,5 triệu đồng tại tỉnh);

- Cefazolin 3,87 tỷ đồng, tăng 21,79% (0,69 tỷ đồng), trong đó 1,84 tỷ đồng, tăng 126,3% (1,03 tỷ đồng) (chiếm 47,62% chi hoạt chất tại tỉnh) thuốc nhóm 4, giá thanh toán bình quân 24.510 đồng, rất cao so với hàm lượng 1g giá ~ 6.500 đ tại Tỉnh Yên Bái, Thành phố Hải Phòng, Thành phố Hồ Chí Minh, Tỉnh Quảng Nam, Thành phố Hà Nội... nhưng không được lựa chọn mua sắm, sử dụng tại tỉnh.

- Oxacilin 3,77 tỷ đồng, tăng 58,60% (1,39 tỷ đồng);

- Piperacilin + tazobactam 3,47 tỷ đồng, tăng 259,27% (2,50 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 6,07%), chiếm 3,41% chi hoạt chất toàn quốc;

- Cefpodoxim 3,26 tỷ đồng, trong đó 1,31 tỷ đồng (chiếm 40,17% chi hoạt chất tại tỉnh) là thuốc nhóm 4, dạng viên phân tán, hàm lượng 200mg, giá thanh toán bình quân 7.834 đồng rất cao so với viên nén thông thường (hàm lượng 100mg giá 1.000, sử dụng năm 2020 nhưng không sử dụng năm 2021 tại tỉnh); 0,20 tỷ đồng, tăng 594,3% (0,17 tỷ đồng) thuốc gói nhóm 4, hàm lượng 200mg, giá thanh toán bình quân 8.412 đồng, rất cao so với hàm lượng 100mg (giá 1.450 đ, sử dụng năm 2020 nhưng không sử dụng năm 2021);

- Cefotiam 3,20 tỷ đồng, tăng 364,15% (2,51 tỷ đồng). Trong đó toàn bộ là thuốc nhóm 4, hàm lượng 0,5g (giá 49.000 đồng), hàm lượng 2g (giá 98.000 đồng) rất cao so với hàm lượng 1g (giá 23.500đ-27.000đ tại các tỉnh Bình Định, Thái Bình, Đồng Tháp, Bến Tre... nhưng không được lựa chọn mua sắm, sử dụng tại tỉnh);

- Cefixim 2,85 tỷ đồng, trong đó: 1,76 tỷ đồng (chiếm 61,52% chi hoạt chất tại tỉnh) là thuốc nhóm 3, viên phân tán, hàm lượng 200mg giá thanh toán bình quân 6.220 đồng rất cao so với viên nén thông thường (giá 1.050 đ, sử dụng năm 2020, nhưng không sử dụng năm 2021); 77,0 triệu đồng, thuốc gói nhóm 3, hàm lượng 200mg, giá thanh toán bình quân 6.500 đồng rất cao so với hàm lượng 100mg (giá 987 đ, chỉ sử dụng 4,7 triệu đồng tại tỉnh);

- Cefalothin 2,29 tỷ đồng, tăng 199,34% (1,53 tỷ đồng);

- Cefpirom 2,23 tỷ đồng, tăng 12286,35% (2,21 tỷ đồng);

- Piperacilin 1,88 tỷ đồng, tăng 148,10% (1,12 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 21,28%), chiếm 3,76% chi hoạt chất toàn quốc.

c) Thuốc đường tiêu hóa: 32,61 tỷ đồng, chiếm 4,31% chi thuốc, giảm 0,10% (vùng giảm 7,05%, toàn quốc giảm 17,94%):

- Famotidin 6,11 tỷ đồng, chiếm 9,58% chi hoạt chất toàn quốc, chi đứng thứ 2 toàn quốc;

- Attapulgit mormoiron hoạt hóa + hỗn hợp magnesi carbonat-nhôm hydroxyd 3,97 tỷ đồng, tăng 28,24% (0,87 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 2,36%), chiếm 16,25% chi hoạt chất toàn quốc, chi đứng thứ 2 toàn quốc;

- Pantoprazol 2,44 tỷ đồng, trong đó 0,86 tỷ đồng, tăng 81,7% (0,39 tỷ đồng) (chiếm 35,28% chi hoạt chất tại tỉnh) là thuốc viên uống nhóm 4, hàm lượng 20mg, giá thanh toán bình quân 1.369 đồng rất cao so với hàm lượng 40mg cùng nhóm (giá 350 đ, không sử dụng tại tỉnh);

- Omeprazol 2,40 tỷ đồng, tăng 11,01% (0,24 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 22,92%);

- Drotaverin clohydrat 1,91 tỷ đồng, tăng 9,87% (0,17 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 8,30%), chiếm 7,15% chi hoạt chất toàn quốc;

- Esomeprazol 1,90 tỷ đồng, tăng 15,85% (0,26 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 19,23%);

- Bacillus clausii 1,55 tỷ đồng, tăng 51,45% (0,53 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 2,84%);

- Palonosetron hydroclorid 1,18 tỷ đồng, tăng 90,02% (0,56 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 7,83%);

d) Insulin và nhóm thuốc hạ đường huyết: 91,66 tỷ đồng, chiếm 12,12% chi thuốc, cao gấp 1,45 lần vùng, gấp 1,44 lần toàn quốc, tăng 23,99% (17,74 tỷ đồng) (vùng tăng 10,22%, toàn quốc tăng 0,29%). Hoạt chất chi cao hoặc tăng chi cao:

- Insulin 36,12 tỷ đồng, tăng 20,10% (6,05 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 3,03%), chiếm 5,42% chi hoạt chất toàn quốc;

- Gliclazid 11,34 tỷ đồng, tăng 67,96% (4,59 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 0,53%), trong đó 3,22 tỷ đồng, tăng 26,0% (0,66 tỷ đồng) (chiếm 28,35% chi hoạt chất tại tỉnh) là thuốc nhóm 3, hàm lượng 80mg, giá thanh toán bình quân 1.880 đồng, rất cao so với hàm lượng 30mg (giá 280 đ, chỉ sử dụng 11,5 triệu đồng tại tỉnh);

e) Chi chế phẩm y học cổ truyền: 70,53 tỷ đồng, chiếm 9,33% chi thuốc, cao gấp 1,11 lần vùng, gấp 1,63 lần toàn quốc, tăng 2,32% (1,60 tỷ đồng) (vùng giảm 4,36%, toàn quốc giảm 13,69%), trong đó:

- CSYT công lập 53,79 tỷ đồng, chiếm 9,16% chi thuốc: Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc 3,14 tỷ đồng, chiếm 17,03% chi thuốc, tăng 2,55% (0,08 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc 3,10 tỷ đồng, chiếm 21,01% chi thuốc, tăng 20,77% (0,53 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa 2,43 tỷ đồng, chiếm 10,38% chi thuốc; Bệnh viện đa khoa huyện Hoàng Hóa 2,38 tỷ đồng, chiếm 16,19% chi thuốc; Bệnh viện đa khoa huyện Nga Sơn 2,30 tỷ đồng, chiếm 18,20% chi thuốc;...

- CSYT ngoài công lập 16,74 tỷ đồng, chiếm 9,90% chi thuốc, tăng 14,02% (2,06 tỷ đồng): Bệnh viện đa khoa Đại An 1,81 tỷ đồng, chiếm 13,52% chi thuốc, Bệnh viện đa khoa Quốc tế Hợp Lực 1,30 tỷ đồng, chiếm 8,60% chi

thuốc, tăng 28,39% (0,29 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Trí Đức Thành 1,17 tỷ đồng, chiếm 9,21% chi thuốc, tăng 1,02% (0,01 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Hợp Lực 1,03 tỷ đồng, chiếm 3,32% chi thuốc, tăng 71,77% (0,43 tỷ đồng); Phòng khám đa khoa An Việt 0,99 tỷ đồng, chiếm 24,98% chi thuốc; Bệnh viện đa khoa Thanh Hà 0,98 tỷ đồng, chiếm 12,62% chi thuốc, tăng 7,65% (0,07 tỷ đồng);

g) Thuốc tim mạch: 52,39 tỷ đồng, chiếm 6,93% chi thuốc, tăng 24,63% (10,36 tỷ đồng). Hoạt chất chi cao hoặc tăng chi cao như:

- Enalapril + hydrochlorothiazid 7,26 tỷ đồng, tăng 20,61% (1,24 tỷ đồng);
- Trimetazidin 4,75 tỷ đồng, tăng 25,13% (0,95 tỷ đồng)
- Enalapril 2,87 tỷ đồng, tăng 56,92% (1,04 tỷ đồng);
- Fluvastatin 0,92 tỷ đồng, tăng 894,77% (0,83 tỷ đồng);
- Atorvastatin + ezetimibe 1,60 tỷ đồng, tăng 101,50% (0,80 tỷ đồng);
- Lovastatin 0,75 tỷ đồng (cùng kỳ 2020 không sử dụng)

h) Thuốc điều trị ung thư và điều hòa miễn dịch: 24,02 tỷ đồng, chiếm 3,18% chi thuốc, tăng 39,90% (6,85 tỷ đồng). Hoạt chất chi cao hoặc tăng chi cao: Bortezomib 4,06 tỷ đồng; Paclitaxel 1,98 tỷ đồng, tăng 151,59% (1,19 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 8,76%); Capecitabin 1,87 tỷ đồng, tăng 183,09% (1,21 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 6,17%);...

i) Chi thuốc bổ trợ: 24,85 tỷ đồng, chiếm 3,29% chi thuốc, cao gấp 1,28 lần vùng, gấp 1,48 lần toàn quốc, giảm 1,24% (0,31 tỷ đồng) vùng giảm 6,68% toàn quốc giảm 13,89% . Trong đó:

- Các cơ sở y tế công lập: 18,12 tỷ đồng, chiếm 3,09% chi thuốc: Bệnh viện nội tiết tỉnh Thanh Hóa 2,49 tỷ đồng, chiếm 8,47% chi thuốc; Bệnh viện đa khoa huyện Vĩnh Lộc 1,23 tỷ đồng, chiếm 8,36% chi thuốc, tăng 106,16% (0,63 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa thành phố Thanh Hóa 1,08 tỷ đồng, chiếm 4,60% chi thuốc, tăng 12,43% (0,12 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc 0,93 tỷ đồng, chiếm 5,07% chi thuốc; Bệnh viện đa khoa huyện Thiệu Hoá 0,91 tỷ đồng, chiếm 7,39% chi thuốc, tăng 18,82% (0,14 tỷ đồng); Bệnh viện tâm thần Thanh Hóa 0,76 tỷ đồng, chiếm 9,44% chi thuốc;

- Các cơ sở y tế ngoài công lập: 6,74 tỷ đồng, chiếm 3,98% chi thuốc, tăng 22,12% (1,22 tỷ đồng): Bệnh viện đa khoa Hợp Lực 1,60 tỷ đồng, chiếm 5,18% chi thuốc, tăng 49,00% (0,53 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Đại An 0,81 tỷ đồng, chiếm 6,05% chi thuốc, tăng 69,24% (0,33 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Tâm Đức Cầu Quan 0,67 tỷ đồng, chiếm 7,38% chi thuốc, tăng 13,52% (0,08 tỷ đồng); Bệnh viện đa khoa Hải Tiên 0,53 tỷ đồng, chiếm 5,94% chi thuốc, tăng 150,99% (0,32 tỷ đồng).

- Hoạt chất chi cao hoặc tăng chi cao như:

+ Acetyl leucin 10,08 tỷ đồng, cao nhất toàn quốc, chiếm 11,70% chi hoạt chất toàn quốc, tăng 69,28% (4,13 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 12,24%);

+ Piracetam 4,78 tỷ đồng, chiếm 4,24% chi hoạt chất toàn quốc, chi đứng thứ 4 toàn quốc, chi cao do lựa chọn sử dụng thuốc có giá cao không hợp lý, đặc biệt là thuốc dạng dung dịch uống (chi tại Thanh Hóa chiếm tới 32% chi Piracetam dạng dung dịch uống toàn quốc);

+ Silymarin 1,90 tỷ đồng, đứng thứ 3 toàn quốc, chiếm 4,39% chi hoạt chất toàn quốc;

+ Meclophenoxat 1,77 tỷ đồng, chiếm 5,10% chi hoạt chất toàn quốc;
 + Choline alfoscerat 1,06 tỷ đồng, tăng 143,35% (0,62 tỷ đồng) (toàn quốc tăng 2,30%).

k) Thuốc khác:

- Methyl prednisolon 12,47 tỷ đồng, đứng thứ 3 toàn quốc, chiếm 6,97% chi hoạt chất toàn quốc;

- Yếu tố VIII 5,66 tỷ đồng, tăng 32,84% (1,40 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 18,12%);

- Surfactant (Phospholipid chiết xuất từ phổi lợn hoặc phổi bò; hoặc chất diện hoạt chiết xuất từ phổi bò (Bovine lung surfactant)) 4,64 tỷ đồng, tăng 7,27% (0,31 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 1,47%), chiếm 4,91% chi hoạt chất toàn quốc;

- Ranibizumab 3,41 tỷ đồng, tăng 52,94% (1,18 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 17,63%)), chiếm 11,60% chi hoạt chất toàn quốc;

- Deferoxamin 2,87 tỷ đồng, tăng 25,52% (0,58 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 17,34%), chiếm 13,91% chi hoạt chất toàn quốc;

- Zoledronic acid 2,00 tỷ đồng, tăng 64,60% (0,78 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 7,13%);

- Nhũ dịch lipid 1,15 tỷ đồng, tăng 146,49% (0,68 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 4,11%);

- Bromhexin hydroclorid 1,72 tỷ đồng, tăng 177,41% (1,10 tỷ đồng) (toàn quốc giảm 6,74%).

Từ các chỉ số đã được phân tích, đánh giá trên đề nghị Sở Y tế chỉ đạo các cơ sở KCB BHYT kiểm soát việc chỉ định sử dụng thuốc tiết kiệm, hiệu quả, đảm bảo chi phí KCB BHYT tại các cơ sở y tế trong năm 2021 không vượt tổng mức thanh toán theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Nghị định số 146/20018/NĐ-CP ngày 17/10/2018 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn biện pháp thi hành một số điều của Luật BHYT.

BHXH tỉnh trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các cơ sở KCB BHYT (để t/h);
- Giám đốc (để b/c);
- Lưu: VT, GĐBHYT.

**KT. GIÁM ĐỐC
 PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Thế Sợi